

Bản án số: **34/2019/HNGĐ - ST**
Ngày: 09-7-2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường T, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1974; Địa chỉ: đường T, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà Lê Thị Kim P và ông Huỳnh Hữu T sống chung với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 29/12/1997. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T sống cùng gia đình vợ nhưng ích kỷ, không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con nên tình trạng hôn nhân luôn căng thẳng. Bà P đã cố gắng tìm nhiều giải pháp để hàn gắn với nhau nhưng không giải quyết được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tuy sống cùng nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau,

hiện tình cảm của bà P dành cho ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Ông bà chung sống có 2 con chung tên Huỳnh Bảo K, sinh ngày 22/11/2000 và Huỳnh Gia K1, sinh ngày 06/6/2010. Hiện Bảo K1 đã trưởng thành, bà không có yêu cầu gì; bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia K1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Huỳnh Hữu T trình bày:

Ông Huỳnh Hữu T thống nhất lời khai của bà P về thời gian ông và bà P chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và sinh con là đúng. Quá trình sống chung giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì đáng kể và ông vẫn còn tình cảm với vợ con nên bà P xin ly hôn, ông không đồng ý. Ông có đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải lại vào ngày 12/6/2019 để ông có cơ hội trở về nói chuyện với bà P nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà P. Trong trường hợp giải quyết ly hôn, ông yêu cầu nuôi cháu Gia K1, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, nuôi con, rút yêu cầu về cấp dưỡng.

- Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu của bà Lê Thị Kim P xin ly hôn với ông Huỳnh Hữu T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà P được ly hôn với ông T; Về con chung: theo nguyện vọng của con chung, đề nghị giao con cho bà P nuôi dưỡng, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hữu T, bị đơn đang cư trú tại thành phố Bà Rịa, thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Hữu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim P và ông Huỳnh Hữu T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 29/12/1997 của Ủy ban nhân dân phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà P thì trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, ông T tuy sống nhà vợ nhưng ích kỷ, không quan tâm đến ai nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần theo yêu cầu của ông T nhưng ông không đến tham gia hòa giải. Bà P kiên quyết xin ly hôn, ông T không đồng ý vì cho rằng còn tình cảm với vợ nhưng ông không nói chuyện với bà P để tìm cách trở về chung sống với nhau. Việc ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 2 con chung tên Huỳnh Bảo K, sinh ngày 22/11/2000 và Huỳnh Gia K1, sinh ngày 06/6/2010. Hiện cháu Bảo K1 đã trưởng thành, bà P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia K1 đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà P rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim P được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T.

2. Về con chung: có 02 con chung là Huỳnh Bảo K, sinh ngày 22/11/2000 và Huỳnh Gia K1, sinh ngày 06/6/2010; cháu Bảo K đã trưởng thành, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung tên Huỳnh Gia K1, sinh ngày 06/6/2010 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2017/0008204 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà P đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
- UBND P. Phước Hiệp, TP. Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG